

Châu Thành, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Số: 21/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nhan Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 71; 72; 81; 107; 116 và Điều 117 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nhan Văn T với chị Trần Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nhan Văn T với chị Trần Thị S tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nhan Văn T với chị Trần Thị S xác định có 02 con chung tên Nhan Thị Ngọc H, sinh ngày 12 ngày 11 tháng 2013 và Nhan Văn H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015, khi ly hôn anh Tuấn với chị S thống nhất thỏa thuận giao cho anh T được quyền nuôi cháu Nhan Văn H, chị S không cấp dưỡng

nuôi con do anh T không yêu cầu, và chị S được quyền nuôi cháu Nhan Thị Ngọc H, anh T không cấp dưỡng nuôi con, do chị S không yêu cầu.

Quyền thăm nom con: sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục nuôi dạy con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Anh Nhan Văn T với chị Trần Thị S xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nhan Văn T với chị Trần Thị S xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nhan Văn T tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh Nhan Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008639 ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả cho anh T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Chị Trần Thị S không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thảo Ngoan